

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/DS-ST

Ngày: 15-02 -2022

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Lê Thị Thủy
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Trần Xuân Anh và ông Lê Kim Cảnh
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Sỹ Vĩ – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 15 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 57/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐST-DS ngày 4 tháng 01 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022 ngày 18/01/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1963. (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm 9 thôn Tân Thắng 1, xã Hợp T, huyện Triệu S, Thanh Hoá.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1967. (Vắng mặt)

Địa chỉ : Xóm 5, xã Hợp T, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, cũng như tại phiên tòa, bà Hoàng Thị H trình bày:

Ngày 20/8/2018 (âm lịch), là ngày 10/9/2018 (dương lịch) bà H cho chị N vay số tiền 135.000.000đ (một trăm ba mươi năm triệu đồng), vay không tính lãi suất, thời hạn vay 06 tháng, khi đến thời hạn trả nợ, chị N chưa trả được đồng nào. Nhiều lần bà H đến nhà yêu cầu chị N trả nợ, nhưng chị N chây ì, không có kế hoạch trả nợ. Chị N là người trực tiếp vay nợ, trực tiếp nhận tiền và ký vào giấy vay nợ.

Vì vậy bà H đề nghị Tòa án tuyên buộc chị Nguyễn Thị N phải trả cho bà số tiền cụ thể như sau:

- Tiền gốc: 135.000.000đ.
- Tiền lãi tính từ ngày 10/4/2019 tính đến ngày 15/02/2022 :
 $135.000.000đ \times 1\% / \text{tháng} \times 34 \text{ tháng} 5 \text{ ngày} = 46.125.000đ$

Tổng gốc và tiền lãi là: 181.125.000đ (Một trăm tám mươi một triệu, một trăm hai lăm nghìn đồng). Bà H không yêu cầu tính lãi quá hạn.

Bà H đề nghị Tòa án buộc chị N phải trả lãi 1% / tháng cho bà cho đến khi chị trả nợ xong khoản tiền gốc. Bà không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị N vắng mặt lần thứ 02, không lý do. Quá trình giải quyết vụ án, chị N trình bày:

Chị N là người trực tiếp vay tiền của bà H, không bàn bạc với chồng con, chị vay mục đích chi tiêu cá nhân. Việc vay nợ diễn ra nhiều lần, trong số tiền 135.000.000đ trên chỉ có 60.000.000đ là tiền gốc, còn lại là số tiền lãi. Chị N vay bà H tính lãi 40%/ tháng. Đến ngày 20/8/2018 (âm lịch), chị N và bà H chốt nợ, chị N là người cộng tổng số tiền gốc các lần vay và cộng dồn tiền lãi lại, tổng bằng 135.000.000đ và là người ký vào giấy vay nợ, thời hạn vay là 06 tháng, trong giấy vay tiền chốt ngày 20/8/2018 (âm lịch) không ghi tiền lãi suất, nhưng thực tế thỏa thuận bằng miệng là lãi ngày, việc chị trả lãi cho bà H theo lãi ngày là đúng thực tế, nhưng chị không có chứng cứ để chứng minh. Đến nay do hoàn cảnh kinh tế gia đình quá khó khăn, nên không có tiền để trả cho bà H, chị N đồng ý trả cho bà H số tiền 135.000.000đ, nhưng không có tiền để trả một lúc, chị xin trả dần mỗi tháng từ 3.000.000đ đến 5.000.000đ cho đến khi trả hết số nợ gốc, còn số tiền lãi bà H yêu cầu chị N trả từ ngày 10/4/2019 với lãi suất 1%/ tháng, chị N không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của của các đương sự. H đồng ý xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Hoàng Thị H khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị N trả nợ theo các giấy vay tiền đã ký kết vào ngày 20/8/2018 âm lịch. Như vậy đây là vụ án về việc “ tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Nguyễn Thị N đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, mặc dù không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan nào, nhưng chị N không đến Tòa án, không có lý do, như vậy là từ bỏ quyền của mình theo quy định tại Điều 70; Điều 72 của bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy căn cứ vào khoản 2, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự H đồng ý xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Bà Hoàng Thị H khởi kiện chị Nguyễn Thị N yêu cầu chị N trả số tiền 135.000.000đ (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng) và tính lãi 1% từ ngày 10/4/2019. Việc vay nợ được thể hiện tại "giấy vay tiền" có chữ ký của chị Nguyễn Thị N, mặc dù không có chữ

ký của người cho vay là bà Hoàng Thị H, nhưng chị N và bà H đều khẳng định và công nhận giấy vay tiền này là đúng thực tế, bà H là người là người trực tiếp cho chị N vay tiền, việc giao dịch vay nợ là do các bên tự nguyện, không bị ép buộc.

Đến thời hạn trả nợ, chị N không thanh toán số tiền nợ như đã thỏa thuận, nên bà H có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị N phải trả nợ như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Bà yêu cầu tính lãi bằng 1% tính từ ngày 10/4/2019.

Chị N thừa nhận có vay tiền của bà H thành nhiều đợt, việc vay nợ trên bà H tính lãi ngày bằng 40%/ tháng, nhưng không có chứng cứ để chứng minh.

Từ những phân tích trên H đồng xét xử thấy yêu cầu của bà H có nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Về nghĩa vụ trả nợ: Căn cứ vào " giấy vay tiền " viết ngày 20/8/2018 âm lịch thì thấy: Bà Hoàng Thị H cho chị Nguyễn Thị N vay số tiền 135.000.000đ, thời hạn vay 06 tháng, trên giấy vay nợ không ghi lãi suất. Khi đến thời hạn trả nợ, chị N chưa trả được đồng nào cho bà H, như vậy là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy chị N phải trả số tiền gốc và lãi suất cho bà H cụ thể như sau:

+ Tiền gốc 135.000.000đ (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng).

+ Tiền lãi: Tiền lãi tính từ ngày 10/4/2019 tính đến ngày 15/02/2022 :

$135.000.000đ \times 1\% / \text{tháng} \times 34 \text{ tháng} = 46.125.000đ$

Tổng gốc và tiền lãi là: 181.125.000đ (Một trăm tám mươi một triệu, một trăm hai lăm nghìn đồng). Bà H không yêu cầu tính lãi quá hạn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Trả lại cho bà Hoàng Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Chị Nguyễn Thị N là con của liệt sỹ Nguyễn Văn Viên, chị có đơn xin miễn tiền án phí ngày 18/01/2022. Vì vậy căn cứ vào điểm đ, khoản 1 Điều 12; Điều 14 của nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc H, chị Nguyễn Thị N được miễn toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 1, Điều 147; khoản 2, Điều 227; Điều 228; Điều 271, 273; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điểm đ, khoản 1 Điều 12; Điều 14 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc H, .

2. Xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Hoàng Thị H.

- Buộc chị Nguyễn Thị N phải có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị H số tiền cụ thể tính từ ngày 10/4/2019 đến ngày 15/02/2022 tổng tiền gốc và tiền lãi là: 181.125.000đ (Một trăm tám mươi một triệu, một trăm hai lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án, hằng tháng chị Nguyễn Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Chị N được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Trả lại số tiền tạm ứng án phí 4.275.000đ (bốn triệu hai trăm bảy lăm nghìn đồng) cho bà Hoàng Thị H đã nộp theo biên lai số AA/2021/ 0006282 ngày 11 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T. Hóa
- Vks Triệu Sơn
- Các đương sự
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ

**TM. H ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thủy

**THÀNH VIÊN H ĐỒNG XÉT XỬ
PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trúc Nguyễn Bá Long

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Lê Thị Thủy

